

Số: **392** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **07** tháng 3 năm 2018



QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm
đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 20 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22/7/ 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020;

Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 40/TTr-SXD ngày 09 tháng 01 năm 2018, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 39/TTr-SXD ngày 09 tháng 01 năm 2018 và hồ sơ Quy hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Liêm đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Hà Nam.

3. Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Viện Quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn.

4. Vị trí, quy mô lập quy hoạch

4.1. Vị trí:

- Phía Bắc giáp huyện Kim Bảng và thành phố Phủ Lý.;
- Phía Tây giáp huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình;
- Phía Đông giáp huyện Bình Lục;
- Phía Nam giáp huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình và huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

4.2. Quy mô:

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: Khoảng 16.491,39 ha.
- Tổng dân số hiện trạng: Khoảng 114.350 người. Dự kiến năm 2025 khoảng 132.500 người, năm 2030 khoảng 145.930 người và năm 2035 khoảng 162.580 người.

5. Tính chất, chức năng:

- Là trung tâm vật liệu xây dựng vùng đồng bằng sông Hồng, phát triển công nghiệp đa ngành vùng tỉnh và vùng Thủ đô.
- Là trung tâm dịch vụ, thương mại, chợ đầu mối gắn với đầu mối giao thông phía Nam của tỉnh và vùng đồng bằng Nam sông Hồng.
- Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

6. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch vùng Thủ đô
- Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về phát triển kinh tế xã hội; xây dựng huyện Thanh Liêm thành cực phát triển phía Nam của tỉnh, gắn với hệ thống đầu mối giao thông vùng. Tập trung đẩy mạnh phát triển với các lĩnh vực chủ yếu sau:
 - + Về công nghiệp: Là một trong những trung tâm công nghiệp vật liệu xây dựng lớn của tỉnh, vùng Thủ đô và vùng đồng bằng sông Hồng, khai thác gắn với bền vững bằng công nghệ xanh, sạch và hiệu quả; hướng tới nền công nghiệp đa ngành góp phần phát triển tổng thể kinh tế xã hội bền vững. Phát triển Khu công nghiệp Thanh Liêm làm động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng huyện theo hướng bền vững.
 - + Về nông nghiệp: Cùng với mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp trong cả tỉnh, định hướng phát triển theo xu thế phát triển chung theo hướng nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao đem lại chất lượng giá trị sản phẩm cao.
 - + Về dịch vụ: Cùng với hệ thống dịch vụ thương mại hiện có, được nâng cấp hình thành chuỗi sản phẩm thương mại dịch vụ gắn với hệ thống bán lẻ tại các khu vực phát triển dân cư, tập trung theo hướng văn minh hiện đại.
 - + Đô thị- Du lịch: Định hướng phát triển mạng lưới du lịch trên địa bàn huyện (du lịch di tích lịch sử, du lịch văn hóa tâm linh...), gắn với mạng lưới du lịch của tỉnh, hình thành chuỗi du lịch văn hóa tâm linh, lịch sử và kiến trúc cảnh quan.
 - + Y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo: Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống giáo dục và đào tạo. Phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh cho nhân dân. Phát triển văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình đạt trình độ cao và hiện đại.

7. Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng

7.1. Phân vùng chức năng:

a) Vùng I (Vùng phía Tây sông Đáy), bao gồm một phần thị trấn Kiện Khê, một phần các xã Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Nghị, Thanh Hải:

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng là 5.471 ha, chiếm 33,2% diện tích tự nhiên của toàn huyện.

- Dân số năm 2016 khoảng 19.200; năm 2025 khoảng 12.135 người; năm 2035 khoảng 13.820 người.

- Định hướng phát triển: Phát triển thành vùng sản xuất vật liệu xây dựng, đặc biệt sản xuất xi măng quy mô lớn, sản xuất các sản phẩm và cấu kiện bê tông, công nghiệp khai thác đá; Phát triển chăn nuôi bán tập trung, nuôi trồng thủy sản nước ngọt tập trung; Phát triển du lịch giải trí, du lịch thể thao, du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

- Trung tâm vùng 1 là thị trấn Kiện Khê, là đô thị công nghiệp của huyện được quy hoạch đầy đủ các công trình chức năng của đô thị.

b) Vùng II (Vùng phía Đông sông Đáy và phía Tây Quốc lộ 1A), bao gồm một phần thị trấn Kiện Khê, một phần các xã Thanh Hà, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Nghị, Thanh Hải, Thanh Phong, Thanh Hương:

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng là 2.570 ha, chiếm 15,6% diện tích tự nhiên của toàn huyện.

- Dân số năm 2016 khoảng 23.200 người, năm 2025 khoảng 31.700 người, năm 2035 khoảng 42.400 người.

- Định hướng phát triển: Phát triển công nghiệp đa ngành, công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; phát triển dịch vụ công nghiệp, dịch vụ thương mại.

c) Vùng III (Vùng phía Đông Quốc lộ 1A), bao gồm các xã Thanh Hà, Thanh Bình, Thanh Lưu, Liêm Phong, Liêm Cần, Liêm Thuận, Liêm Túc, Liêm Sơn, Thanh Tâm, Thanh Nguyên và một phần xã Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Phong.

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng là 8.440 ha chiếm 51,21% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Dân số năm 2016 khoảng 72.400 người, năm 2025 khoảng 88.700 người năm 2035 khoảng 106.300 người.

- Định hướng phát triển: Phát triển trung tâm hành chính - chính trị của huyện; đô thị, đô thị dịch vụ công nghiệp; nông nghiệp công nghệ cao; thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch; tiểu thủ công nghiệp – làng nghề truyền thống; dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp.

- Trung tâm vùng 3 là trung tâm đô thị hành chính huyện Thanh Liêm được quy hoạch tại xã Thanh Lưu, Thanh Bình và Liêm Thuận có quy mô khoảng 330 ha; là trung tâm hành chính – chính trị của huyện bao gồm đầy đủ các công trình chức năng của thị trấn huyện lỵ.

7.2. Tổ chức không gian vùng

a) Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

- Vùng phía Tây sông Đáy: Phát triển mở rộng và xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, gồm các ngành công nghiệp sản xuất xi măng; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng hậu xi măng, công nghiệp khai thác đá tại các xã Thanh Nghị, Thanh Tân, Thanh Thủy, thị trấn Kiện Khê gắn với việc đảm bảo môi trường cảnh quan.

- Vùng phía Đông sông Đáy và phía Tây quốc lộ 1A: Phát triển khu công nghiệp đa ngành, công nghiệp chế biến và các ngành công nghiệp phụ trợ tại địa bàn thị trấn Kiện Khê, các xã Thanh Thủy, Thanh Phong. Đến năm 2025 sẽ mở rộng Khu công nghiệp đến các xã Thanh Hương, Thanh Tân gắn với việc từng bước khôi phục lại môi trường cảnh quan sông Đáy.

- Vùng phía Đông quốc lộ 1A: Duy trì sản xuất tiểu thủ công nghiệp hiện có (cụm công nghiệp Thanh Lưu, cụm công nghiệp Thanh Hải, một số nhà máy sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại đô thị Phố Cà...); Bảo tồn và phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở các làng nghề truyền thống tại các xã Thanh Hà, Thanh Lưu...

b) Phân bố không gian phát triển nông nghiệp:

- Vùng phía Tây sông Đáy: Phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Thanh Hải; phát triển chăn nuôi bò, dê lấy thịt theo mô hình bán tập trung hộ gia đình tại phía Tây xã Thanh Tân và phía tây xã Thanh Nghị.

- Vùng phía Đông sông Đáy và phía Tây quốc lộ 1A: Duy trì sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích đất nông nghiệp hiện có tại các xã Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Nghị và Thanh Hải đến khi chuyển đổi sang đất công nghiệp. Không phát triển các khu sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao.

- Vùng phía Đông quốc lộ 1A: Phát triển chăn nuôi bò sữa tập trung tại các xã Thanh Nguyên, Liêm Túc (địa bàn xã Thanh Nguyên, phía đông xã Thanh Hải và phía Đông xã Liêm Sơn là khu vực trồng cỏ). Phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tại các xã Thanh Bình, Thanh Hương, Liêm Phong, Liêm Thuận, Liêm Cần, Liêm Sơn.

c) Phân bố không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường:

- Vùng phía Tây sông Đáy: Phát triển điểm du lịch thể thao tại khu vực sân golf Đồi Con Phượng; xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp trải nghiệm tại xã Thanh Hải gắn với các trang trại nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Từng bước tiến tới làm sống lại môi trường, cảnh quan dọc sông Đáy.

- Vùng phía Đông sông Đáy và phía Tây quốc lộ 1A: Khai thác các tuyến du lịch: Ba Sao – Bái Đính – Tràng An (đường thủy); Thành phố Phủ Lý – Thanh Liêm – Ninh Bình (đường bộ); du lịch tham quan di tích Đền thờ Đinh Công Tráng tại thôn Nham Tràng, xã Thanh Tân.

- Vùng phía Đông quốc lộ 1A: Phát triển điểm du lịch văn hóa tâm linh di tích lịch sử Núi Chùa tại xã Thanh Tâm, Chùa Tiên tại xã Thanh Lưu; du lịch tham quan các di tích Đền Lãng (đền Ninh Thái) tại xã Liêm Cần; xây dựng mô hình các điểm du lịch nông nghiệp gắn với các trang trại trồng rau sạch, trồng lúa năng suất cao tại các xã Liêm Cần, Liêm Phong, Liêm Thuận, Liêm Sơn, Thanh Hương; xây

dựng mô hình các điểm du lịch nông nghiệp gắn với các trang trại nuôi bò giống tại các xã Thanh Nguyên, Liêm Túc.

d) Phân bố không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

- Hệ thống dịch vụ thương mại: Xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ và các loại hình dịch vụ gắn với chợ, từng bước hình thành các khu vực tập kết, sơ chế, phân loại và bảo quản sản phẩm nông nghiệp. Phát triển các cụm thương mại - dịch vụ tại các thị trấn phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư trong khu vực, hình thành 02 chợ đầu mối cấp khu vực để tạo thành trung tâm phân phối hàng hóa tới các xã trong huyện (Chợ đầu mối tại thôn Nham Kênh - xã Thanh Nghị; Chợ đầu mối phía đông đường cao tốc tại thôn Thị - xã Liêm Thuận, và Trung tâm thương mại tại đô thị Phố Cà).

- Hệ thống công trình y tế: Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế của huyện theo hướng hiện đại hoá, nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, bảo đảm chất lượng hiệu quả trong cung cấp và sử dụng các dịch vụ y tế. Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện tại xã Thanh Lưu, từng bước cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã.

- Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo: Tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển chất lượng dạy học theo tiêu chuẩn chung.

- Hệ thống các công trình văn hóa, thể dục thể thao: Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao đa năng, các công trình thể dục thể thao cấp huyện; xây dựng thiết chế văn hóa thể thao trung tâm xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới.

đ) Phân bố không gian cây xanh, mặt nước:

- Đối với các khu vực đồi núi tự nhiên: Hạn chế san gạt, kết hợp trồng cây cảnh quan để tạo các góc nhìn thẩm mỹ, cảnh quan. Mở rộng hành lang cây xanh cách ly giữa khu vực khai thác đá và khu dân cư cũng như khu vực sân golf Đồi Con Phượng.

- Đối với tuyến sông Đáy: Cải tạo hệ thống đê kè đáp ứng yêu cầu phòng chống lũ lụt, kết hợp tạo cảnh quan sinh thái, đồng thời giữ được các hình thái cảnh quan tự nhiên, khai thác cho các mục đích du lịch, giao thông đường thủy. Đối với các tuyến kênh, mương, máng tưới tiêu nước tại khu vực được nạo vét kỹ thuật. Có lộ trình từng bước di dời các cụm dân cư, các dự án ven sông, đảm bảo môi trường sống, kiến trúc cảnh quan, thích ứng với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng.

- Đối với công viên cây xanh tiện ích tại các khu vực xây dựng đô thị và điểm dân cư nông thôn cần được cải tạo, nâng cấp, bổ sung các tiện ích dịch vụ công cộng để thu hút sự tham gia của cộng đồng. Khai thác tối đa các không gian cây xanh mặt nước hiện hữu để phát triển không gian đô thị và xây dựng nông thôn mới.

8. Định hướng phát triển khu vực đô thị

8.1. Định hướng phát triển khu vực đô thị:

- Thị trấn Kịen Khê: Là đô thị loại V, đô thị công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, trung tâm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại cấp vùng huyện. Định hướng phát triển công nghiệp tập trung, dịch vụ thương mại

phục vụ phát triển công nghiệp và vận tải (diện tích 757,77 ha; Dân số năm 2016: 9.500 người; năm 2025: 11.500 người; năm 2035: 20.500 người).

- Đô thị Hành chính huyện (bao gồm xã Thanh Lưu một số thôn thuộc xã Thanh Hà, Thanh Bình, Thanh Phong, Liêm Thuận): Là đô thị loại V trong tương lai, đô thị trung tâm hành chính - chính trị của huyện Thanh Liêm, trung tâm thương mại, giáo dục đào tạo cấp vùng huyện. Định hướng phát triển giáo dục, đào tạo và phát triển dịch vụ thương mại cấp vùng (diện tích 1.400,69 ha; dân số năm 2016: Khoảng 8.000 người; năm 2025: 11.500 người; năm 2035: 20.100 người).

- Đô thị Phố Cà (bao gồm xã Thanh Tâm và một số thôn thuộc xã Thanh Nghị, Thanh Nguyên): Là đô thị loại IV trong tương lai, đô thị trung tâm dịch vụ hậu cần công nghiệp và du lịch phía Nam vùng tỉnh; trung tâm dịch vụ thương mại, dịch vụ giải trí cấp vùng. Định hướng phát triển dịch vụ hậu cần cho công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển dịch vụ du lịch và dịch vụ giải trí (diện tích 1.390,00 ha; Dân số năm 2016: Khoảng 9.600 người; năm 2025: 17.400 người; Dân số đô thị năm 2035: 40.960 người).

8.2. Định hướng phát triển khu vực nông thôn:

- Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn để khai thác tiềm năng sẵn có, tạo động lực mới làm điểm tựa phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

- Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung là xây dựng nông thôn mới, có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch, xã hội ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

- Trên cơ sở rà soát hiện trạng các xã theo 19 tiêu chí đã ban hành, trong đó đặc biệt quan tâm xây dựng nông thôn mới văn minh - hiện đại theo chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án; huy động các nguồn vốn, hỗ trợ vốn tín dụng và huy động sức dân trên tinh thần tự nguyện để xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò chủ thể của người dân; tổ chức tuyên truyền theo quan điểm “dân biết, dân bàn, dân giám sát và dân hưởng thụ”.

- Sau khi nâng cấp các đô thị Phố Cà và Thị trấn huyện lỵ, hệ thống điểm dân cư nông thôn huyện Thanh Liêm gồm có 14 xã là: Liêm Cần, Liêm Phong, Liêm Sơn, Liêm Thuận, Liêm Túc, Thanh Thủy, Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Nghị, Thanh Nguyên, Thanh Phong, Thanh Tân, Thanh Hà, Thanh Bình.

9. Quy hoạch sử dụng đất:

Dự kiến đến năm 2035: Đất xây dựng đô thị khoảng 2.300ha, tỷ lệ 14%; Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn khoảng 1.500ha, tỷ lệ 9%; Đất xây dựng công nghiệp khoảng 2.200ha, tỷ lệ 13%; Đất du lịch, du lịch văn hóa khoảng 600ha, tỷ lệ 4%; Đất sản xuất nông, lâm nghiệp khoảng 7.600ha, tỷ lệ 45%; Các loại đất khác khoảng 2.200ha, tỷ lệ 13%.

10. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

10.1. Hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Gồm các tuyến cao tốc Cầu Giẽ- Ninh Bình và các tuyến QL1A, QL21, Tuyến đường T3 (nối chùa Ba Sao và chùa Bái Đính), Đường QL1A tuyến tránh.

- Giao thông đường sắt: phù hợp với quy hoạch giao thông đường sắt Quốc gia.

- Giao thông đường thủy: Khai thác tuyến giao thông trên sông Đáy với Cụm cảng dự kiến đã được xác định (Quy hoạch cảng hàng hóa sông Đáy, sông Hồng tỉnh Hà Nam) và phát triển các vị trí khác trong thời gian tiếp theo, phù hợp với định hướng Quy hoạch chung toàn tỉnh. Dự kiến quy hoạch các bến khách ngang sông theo Quy hoạch hệ thống bến khách thủy nội địa tỉnh Hà Nam thực hiện năm 2016.

- Giao thông nội bộ: Hệ thống giao thông nội bộ đảm bảo sự liên thông và kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông đối ngoại. Các tuyến đường tỉnh, đường huyện thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống đường hiện trạng, đảm bảo quy mô đường cấp IV, cấp V đồng bằng. Đường trục chính đô thị, khu vực công nghiệp đảm bảo kết nối các khu vực đô thị và công nghiệp với khung giao thông chính của huyện.

- Công trình phục vụ giao thông: Xây dựng nút giao thông khác mức hoàn chỉnh Liêm Sơn (giao giữa đường cao tốc và đường ĐT495B), nhằm phục vụ vận tải công nghiệp; nâng cấp nút giao cầu vượt trục thông Chằm Thị (giao đường cao tốc và T1) nhằm phục vụ dân sinh.

- Bến bãi đỗ xe: Xây dựng 3 bến xe cấp huyện tại các khu vực: Phía Nam thị trấn Phố Cà; phía Bắc nút giao Chằm Thị tại thị trấn huyện lỵ; phía Bắc QL21 (phía Đông sông Đáy) tại thị trấn Kiện Khê.

10.2. Nền xây dựng:

- Vùng 1 (Khu vực đồi núi bán sơn địa phía Tây sông Đáy): San lấp cải tạo nền dựa trên cơ sở nền địa hình tự nhiên. Biện pháp san nền tạo mặt bằng xây dựng được áp dụng rộng rãi là san lấp cục bộ và cải tạo nền tại chỗ. Các khu vực khai thác vật liệu xây dựng, không chế cao độ khai thác phù hợp, tạo mặt bằng sau khai thác phục vụ công nghiệp hậu xi măng.

- Vùng 2 (khu vực đồng bằng thấp trũng phía Đông sông Đáy): Khu vực vùng đồng bằng cao: Tôn đắp nền xây dựng công trình, chiều cao tôn đắp trung bình dao động từ: 0,5-1,8m; Khu vực vùng đồng bằng thấp: Tôn đắp nền xây dựng công trình, chiều cao tôn đắp trung bình dao động từ: 0,8-2,5m.

10.3. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước: Trước mắt sử dụng nguồn nước mặt sông Đáy là chính, về lâu dài, sẽ sử dụng nguồn nước từ Nhà Máy nước Phủ Lý (khi Nhà máy nước sông Hồng đưa vào vận hành sẽ liên thông với Nhà máy nước Phủ Lý).

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt toàn huyện đến 2025 khoảng 13.500 m³/ngày đêm, đến 2035 khoảng 28.500 m³/ngày đêm ((Nước cấp cho đô thị khoảng 6.000 m³/ngày đêm (năm 2025) và 17.500m³/ngày đêm (năm 2035); Nước cấp cho dân cư nông thôn khoảng 7.400 m³/ngày đêm (năm 2025) và 10.900 m³/ngày đêm (năm 2035)).

- Tổng nhu cầu dùng nước sản xuất công nghiệp toàn huyện đến năm 2025 khoảng 36.000 m³/ngày đêm, đến năm 2035 khoảng 84.000 m³/ngày đêm.

10.4. Thoát nước mưa:

- Phân vùng theo 02 lưu vực tiêu thoát nước chính:

+ Lưu vực 1: Diện tích khoảng 7860 ha ở phía tây QL1A của khu vực nghiên cứu, thuộc lưu vực sông Đáy. Thoát nước ra trực tiêu chính sông Đáy.

+ Lưu vực 2: Diện tích khoảng 9130 ha phía Đông QL1A của khu vực nghiên cứu, thuộc lưu vực sông Sắt – Nam Châu Giang. Nước mặt chảy theo bề mặt địa hình tập trung vào các kênh nội đồng rồi đổ vào các kênh tiêu chính trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng đồng bộ, đảm bảo thoát nước tốt. Nước mưa chủ yếu chảy về các kênh tiêu chính rồi thoát ra sông Đáy.

10.5. Thủy lợi: Nâng cấp, cải tạo các trạm bơm tiêu thoát nước, đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời tránh ngập lụt cho đô thị; Nâng cấp, cải tạo đê và cống qua đê, kè đê tả Đáy; Nâng cấp, cải tạo, khơi thông dòng chảy các kênh tiêu nước chính khu vực. Tăng cường công tác trồng và quản lý rừng chống xói lở và lũ quét, tăng độ che phủ rừng phòng hộ đầu nguồn. Hạn chế tối đa không xây dựng nhà ven sông, ven các sườn dốc, tránh sạt lở, lũ quét...

10.6. Hệ thống thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt toàn huyện đến 2025 khoảng 11.800 m³/ngày đêm, đến 2035 khoảng 22.800 m³/ngày đêm. Nước thải sản xuất công nghiệp toàn huyện đến 2025 khoảng 30.000 m³/ngày đêm và đến 2035 khoảng 67.000 m³/ngày đêm.

- Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

- Khu vực nông thôn: Trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý qua bể tự hoại cục bộ và tận dụng khả năng tự làm sạch của hệ thống ao hồ tự nhiên. Sau này từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

- Khu vực công nghiệp: Được thu gom đến trạm xử lý riêng, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung.

- Khu vực du lịch: Thu gom và xử lý nước thải phân tán, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

b) Hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Đối với đô thị Kiện Khê, đô thị Phố Cà, Khu đô thị hành chính trung tâm huyện lỵ: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, có các trạm xử lý nước thải riêng biệt.

- Khu công nghiệp tập trung huyện Thanh Liêm: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 25.000 m³/ngày đêm (năm 2025) và công suất 50.000 m³/ ngày đêm (năm 2035); Các nhà máy sản xuất công nghiệp và cụm công nghiệp không tập trung sẽ có hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải riêng.

c) Chất thải rắn (CTR):

- Đối với CTR sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt tại các xã Thanh Thủy, Thanh Tân, TT Kiện Khê được tập trung đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý rác thải tại Thung Đám Gai; Rác thải tại các xã còn lại trên địa bàn huyện sẽ được tập trung để đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý rác tại Thung Cỏ Chày.

- Đối với CTR công nghiệp: Các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp. Việc xử lý triệt để CTR công nghiệp sẽ được thực hiện tại khu liên hợp xử lý CTR của tỉnh tại thung Đám Gai và thung Cỏ Chày, xã Thanh Thủy.

d) Nghĩa trang:

- Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch.

- Các nghĩa địa hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan.

- Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

- Xây dựng nghĩa trang sinh thái cấp vùng theo hướng văn minh tiên tiến.

10.7. Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện chính cấp điện cho huyện Thanh Liêm là Trạm 220KV Thanh Nghị xây dựng mới đầu nối từ trạm 500KV Nho Quan – Ninh Bình có công suất 2x250MVA; Trạm phân phối 110kV Thanh Nghị (E24.8) công suất 25MVA (giai đoạn năm 2020: 25+40MVA; giai đoạn năm 2035: 2x40MVA); cải tạo nâng cấp các trạm 110KV hiện có và chuyên dùng.

11. Lộ trình thực hiện:

- Giai đoạn 2018- 2020: Rà soát, lập kế hoạch, lộ trình, xác định danh mục ưu tiên các công trình, dự án đầu tư ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đồng thời triển khai đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh các công trình thích ứng với môi trường, cảnh quan và ứng phó với biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng và có tính cấp bách, có tính đột phá khu vực phía Tây sông Đáy (các dự án công nghiệp xi măng, hậu vật liệu xây dựng, hệ thống đê, kè và cảng sông Đáy....). Từng bước xây dựng mô hình điểm về vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đáp ứng nhu cầu trong vùng tiến tới xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp sạch. Hoàn chỉnh hệ thống nghĩa trang theo phân cấp, đặc biệt là nghĩa trang phục vụ đô thị và cấp vùng.

- Giai đoạn 2020 - 2025: Phát triển hệ thống hạ tầng khung của Khu công nghiệp Thanh Liêm (đến 2035 hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp) và các dự án trọng điểm của Trung tâm hành chính huyện và đô thị Phố Cà, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Giai đoạn 2025 - 2035: Phát triển các dự án về hạ tầng, kinh tế, xã hội theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái. Hoàn chỉnh các chiến lược phát triển hướng tới sự gắn kết, hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn.

- Giai đoạn 2035 - 2050: Phát triển bền vững về kinh tế xã hội và môi trường, đảm bảo ổn định các nguyên tắc phát triển thân thiện với môi trường sinh thái.